



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

城市燃气投资发展股份公司

Số: 02./ TTr HĐQT-KĐT

号:/ TTrHĐQT - KĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立- 自由- 幸福

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2024

河内市, 2024 年 4月 4日

TỜ TRÌNH

请示

Về việc phê duyệt kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024

关于 2024 年生产经营计划批准通过的事宜

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

敬致: 股东大会

HĐQT Công ty báo cáo kế hoạch kinh doanh 2024, gồm các nội dung sau:

城市燃气投资发展股份公司董事会将把 2023 年生产经营计划, 向股东大会报告如下:

1 Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

建立计划指标的基础

- Căn cứ Kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh năm 2023;
根据 2023 年生产经营情况;
- Căn cứ vào dự báo tình hình thị trường LPG và thị trường bất động sản năm 2024;
根据 2024 年房地产市场和液化石油气市场的情况预报报告;

2 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

2024 年计划的指标

- **Kế hoạch sản lượng và tài chính**
- **销售量和财务指标**



Stt 字号	Chỉ tiêu 指标	Đvt 计算单位	TH 2023 2023 年的实施	KH 2024 2024 年的计划	% KH 2024/TH 2023 2024 计划与 2023 年实现的比例 (%)
I	Chỉ tiêu sản lượng 产量指标				
1	Kinh doanh LPG 液化石油气销售	Tấn 吨	14,655	19,090	130%
	Miền Bắc 北部	Tấn 吨	9,836	12,000	
	Miền Trung 中部	Tấn 吨	1,127	2,890	
	Miền Nam 南部	Tấn 吨	3,692	4,200	
2	Xây lắp 工程安装		2	3	
2.1	Giá trị hợp đồng ký mới 新签署合同价值	Tỷ.đ (十亿)	6	7	
II	Chỉ tiêu tài chính 财务指标				
1	Tổng Doanh thu 总收入	Tỷ.đ (十亿)	309.09	401.817	130%
2	Giá vốn 成本价格	Tỷ.đ (十亿)	284.55	372.7605	131%
3	Lãi gộp 毛利润	Tỷ.đ (十亿)	24.54	29.0565	118%
4	CP quản lý và bán hàng 销售和管理费用	Tỷ.đ (十亿)	26.63	28.5	107%
5	Lợi nhuận tài chính 财务利润	Tỷ.đ (十亿)	4.43	1.13	26%
6	Lợi nhuận KD chính 主要业务利润	Tỷ.đ (十亿)	2.19	1.6865	77%
7	Lợi nhuận khác 其他利润	Tỷ.đ (十亿)	(1.20)		
8	LN trước thuế 税前利润	Tỷ.đ (十亿)	0.994	1.6865	170%
9	Thuế và các khoản phải nộp NSNN 应付国家预算款和税务	Tỷ.đ (十亿)			
10	LN sau thuế 税后利润	Tỷ.đ (十亿)	0.994	1.6865	170%

023
CÔNG
CỐ
TƯ P
AS I
GIẢ

3 Giải pháp thực hiện 措施

➤ Đối với kinh doanh LPG công nghiệp

➤ **关于 LPG 工业客户:**

- Tái cơ cấu khách hàng, phát triển khách hàng mới đặc biệt là phân khúc khách hàng sử dụng LPG công nghiệp, mở rộng đối tượng khách hàng dùng LPG bình 45/12Kg cho khách hàng công nghiệp và thương mại;
重组客户机构, 发展新客户关注工业区的客户, 拓展 45/12 公斤钢瓶的工业, 商业客户;
- Tăng cường các hoạt động tiếp thị và tiếp xúc khách hàng để mở rộng mạng lưới khách hàng trong phân khúc mới;
加强营销和客户联系活动, 以在新细分市场能够扩大客户网络;
- Tiếp tục thực hiện theo đúng quy trình, quy định về mua bán hàng; kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ xấu.
继续按照采购和销售的程序 and 规定; 控制和收回应收账款, 以免产生坏账。

➤ **Đối với phát triển hệ thống gas Công nghiệp/Thương mại**

➤ **关于开发商业客户**

- Bám sát CĐT dự án để hợp tác đầu tư hệ thống gas trung tâm ngay từ khâu lập quy hoạch;
从项目计划阶段开始就与项目投资方跟进以及保持沟通、联系;
- Chuyên nghiệp hóa hơn nữa bộ phận thị trường, kinh doanh, vận hành thông qua tổ chức đào tạo về kỹ năng giao tiếp với khách hàng, đào tạo chuyên sâu về công tác thị trường...
通过组织与客户沟通技巧以及对市场运营工作深入培训、使市场销售中心及运营服务中心进一步专业化。

➤ **Đối với công tác quản lý tài chính**

➤ **关于财务管理工作**

- Kiểm soát chi phí, hạn chế tối đa việc phát sinh chi phí so với kế hoạch;
控制成本费用, 按照计划执行, 限制发生计划额外费用;
- Tập trung kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ xấu;
集中管理, 加快应收款催收, 不造成新的坏账;
- Tối đa hóa thu nhập từ hoạt động tài chính;
最优化金融活动收入, 提高财务利润;
- Bám sát chủ đầu tư các dự án/khách hàng để nắm rõ tình hình dự án/ năng lực khách hàng để có các giải pháp bán hàng/ thu hồi công nợ phù hợp.
应密切关注项目的客户, 了解项目情况, 根据进度, 制定应收款解决方案和收回应收款办法。

➤ **Đối với công tác tổ chức nhân sự, an toàn lao động**

人事组织、运营安全工作

- Tiếp tục rà soát công tác tổ chức, nhân sự trong toàn công ty, đặc biệt là nhân sự cho phát triển thị trường;

28c
TY
AN
TT
TT
-TP

继续检查整个公司的组织工作和人事工作，特别是服务市场开发工作的人员；

- Tăng cường kiểm soát việc tuân thủ các quy định, quy trình; đảm bảo tuyệt đối an toàn cho các công trình xây lắp, trạm cấp gas;
遵纪守法，合法经营。确保建筑工程场所，LPG 供气站的安全运营；
- Rà soát các quy trình, quy định để nâng cao hiệu quả công việc;
审查流程和规定以提高工作效率；
- Thực hiện tốt công tác đánh giá hoàn thành công việc;
遵守执行工作考核任务；
- Tiếp tục áp dụng phần mềm điều hành doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả điều hành và kiểm soát hồ sơ, tài liệu.

继续使用商业管理软件系统，以提高记录和文件的操作和控制效率。

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.

呈请 2024 年股东大会批示上述内容。

Trân trọng.

敬礼

此致

Nơi nhận:

接收处:

- Như trên;
如上；
- Lưu VT.
存档：文员。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

代表董事会

CHỦ TỊCH



NGUYỄN THANH TÚ

